TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2018/HS-ST

Ngày 02- 10- 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Đức Lâm.

Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày tháng năm 1990 tại xã M, huyện H, tỉnh B. Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B; nghề

nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Quế, sinh năm 1961 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; có vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Bản án số 54/2009/HSST ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt Nguyễn Văn N 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội "Trộm cắp tài sản". N nộp án phí ngày 18/7/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; TQ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Duy, sinh năm 1989; TQ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B - Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958; TQ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

+ Người giám định: Ông Phạm Hữu Nam- Giám định viên.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 45 phút ngày 21/6/2018, tại nhà ở của Tạ Thị H, sinh năm 1980 ở thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Hiệp Hòa phối hợp Công an xã M bắt quả tang Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 ở thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ tại túi quần bên trái quần N đang mặc 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có đường viền màu đỏ bên trong chứa 01 (một) viên nén màu hồng đỏ trên một mặt có chữ "WY" và tinh thể màu trắng nghi ma túy tổng hợp (được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT"), N khai nhận đó là ma túy tổng hợp dạng ngựa và

dạng đá N mua với giá 200.000 đồng vào buổi sáng cùng ngày tại khu vực dốc Tr, thị trấn T, huyện H của một người không quen biết và tàng trữ nhằm mục đích sử dụng. Ngoài ra, thu giữ của N 01 (một) chiếc điện thoại di động mặt trước màu đen, mặt sau có chữ Iphone đã qua sử dụng, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 98F9-7475.

Cùng ngày 21/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số 37 khám xét nhà ở của Nguyễn Văn N, kết quả: không thu giữ gì.

Ngày 21/6/2018, Cơ quan điều tra ra Quyết định số 107/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang giám định toàn bộ số ma túy thu giữ của N khi bắt quả tang. Tại Kết luận giám định số 796/KL-PC54 ngày 22/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu "QT" gửi giám định: Trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có đường viền màu đỏ: 01 (một) viên nén màu hồng đỏ, trên một mặt có chữ "WY" và chất tinh thể màu trắng đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,335 gam (trong đó, khối lượng của viên nén là 0,105 gam, khối lượng của chất tinh thể màu trắng là 0,230 gam).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận:

Khoảng hơn 07 giờ ngày 21/6/2018, N một mình đi xe mô tô biển kiểm soát 98F9-7475 từ nhà đến thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa để mua ma túy sử dụng. Qua bạn bè giới thiệu, N đến trước cửa một nhà cạnh đường Quốc lộ 37 thuộc dốc Tr, thị trấn T, huyện H (nhà hai tầng, tầng một đóng cửa xếp bằng sắt, N không nhớ cụ thể ngôi nhà này), N đứng bên ngoài gọi và hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy tổng hợp để sử dụng. N đưa tiền qua lỗ cửa xếp thì trong nhà có một người đàn ông (N không quen biết, không rõ mặt, hình dạng người đàn ông này) đưa cho N 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có đường viền màu đỏ bên trong chứa 01 (một) viên ma túy dạng ngựa và ma túy dạng đá. N cầm ma túy và cất vào túi quần bên trái quần đang mặc và đi xe đến nhà Tạ Thị H ở cùng thôn chơi. Khi N đang ở nhà H thì Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Từ hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nêu trên của Nguyễn Văn N, tại bản cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 23/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo ra tr- ớc Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, như cáo trạng truy tố và nội D vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn N từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 21/6/2018.

- *Về vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì có ký hiệu "QT" đựng vật chứng đã niêm phong là vật chứng của vụ án.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị D 01 (một) chiếc điện thoại di động mặt trước màu đen, mặt sau có chữ Iphone đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị D.

- *Về án phí:* áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra

viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có hành vi tàng trữ 0,335 gam ma túy Methamphetamine mục đích để bị cáo sử dụng thì bị bắt quả tang. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khai báo thành khẩn, ăn năn hối cairv theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà n- ớc, gây tác hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khoẻ của con ng- ời, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con ng- ời, bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc, phá hoại hạnh phúc gia đình, tác động nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội mà Đảng và Nhà n- ớc ta luôn trú trọng đấu tranh ngăn chặn. Hành vi phạm tội của bị cáo còn là mầm mống của các loại tội phạm khác có thể xảy ra, ảnh h- ởng tới lao động sản xuất, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ thành phần dân lao động, cú trình độ văn hoá lớp 8/12- có đầy đủ nhận thức và ý thức pháp luật về tác hại của chất ma tuý đối với con ng- ời, nhưng mắc nghiện ma túy nên đã thực hiện hành vi phạm tội và là đối tượng có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, vì vậy cũng cần chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi l- ợng hình.

Đối với bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

- *Về vật chứng của vụ án:*

+ 01 phong bì có ký hiệu "QT" đựng vật chứng còn lại sau khi giám định đã niêm phong bằng dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động mặt trước màu đen, mặt sau có chữ Iphone đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị D, cần trả lại chị D.

- *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho N, N không biết mặt mà do bạn bè giới thiệu nếu cần mua ma túy sử dụng thì đến đó mua. Cơ quan điều tra đã xác minh tại khu vực dốc Tr, thị trấn T, huyện H nhưng không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho N. Do vậy, không có căn cứ để xử lý.

Đối với Tạ Thị H: không biết N tàng trữ ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F9-7475 thu giữ của N khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 (là vợ của N). Ngày 09/8/2018, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 13 trả lại chị D chiếc xe mô tô trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma tuý".***

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn N **18 (Mười tám)** tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 21/6/2018.

- *Về vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì có ký hiệu "QT" đựng vật chứng còn lại sau khi giám định đã niêm phong bằng dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang là vật chứng của vụ án.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị D 01 (một) chiếc điện thoại di động mặt trước màu đen, mặt sau có chữ Iphone đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị D.

- *Về án phí:* áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết đ- ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ- ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Công an Hiệp Hòa.*
- *L- u hồ sơ vụ án.*
- *Bị cáo.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn.